

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-4-2026  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

Ông Nguyễn Văn Nghiêm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Thạch Quan Thây – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Thùy D**, sinh năm 1999

Địa chỉ: **Số A B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long** (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Hồng Lý T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: **Số D N, phường L, tỉnh Tây Ninh** (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04 tháng 12 năm 2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Thùy D** trình bày:

Bà và ông **Hồng Lý T** tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới đăng ký kết hôn tại **UBND phường C, thành phố T, Long An (nay là phường L, Tây Ninh)**. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên vợ chồng thường gây gổ,

nhiều lần tranh cãi với nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không có cơ hội để vợ chồng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông **T**.

- Về con chung: Bà và ông **T** có 02 con chung tên **Hồng Huỳnh Thảo V** sinh ngày 11/11/2022 và **Hồng Huỳnh Thảo N** sinh ngày 27/12/2023. Hiện nay cháu **Thảo V** đang sống với ông **T** và cháu **Thảo N** đang sống với bà **D**.

Sau khi ly hôn, bà **D** yêu cầu giao con chung **Hồng Huỳnh Thảo V** cho ông **Hồng Lý T** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung **Hồng Huỳnh Thảo N** cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Hồng Lý T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà **D**. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa bà **D** và ông **T** là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, cả hai không còn hạnh phúc khi chung sống với nhau, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông **T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc bà **Y** xin ly hôn nhưng ông **T** vắng mặt không có ý kiến, thể hiện ý chí không muốn đoàn tụ với bà **D**. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà **D** đối với ông **T** là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà **D**.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà **Huỳnh Thị Thùy D** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Hồng Lý T**. Ông **T** có địa chỉ cư trú và sinh sống ở **phường L, tỉnh Tây Ninh**. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Huỳnh Thị Thùy D** và ông **Hồng Lý T** tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được UBND phường C, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường L, Tây Ninh) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 9 năm 2022 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ thể hiện: Sau khi kết hôn, bà **D** và ông **T** trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tính cách, lối sống. Cả hai không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, đã không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông **T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc bà **D** xin ly hôn nhưng ông **T** vắng mặt không có ý kiến, thể hiện ý chí không muốn đoàn tụ với bà **D**. Từ đó, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà **D** và ông **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **D** đối với ông **T**.

[3.2] Về con chung: Bà **D** và ông **T** có 02 con chung tên **Hồng Huỳnh Thảo V** sinh ngày 11/11/2022 và **Hồng Huỳnh Thảo N** sinh ngày 27/12/2023. Hiện nay cháu **Thảo V** đang sống với ông **T** và cháu **Thảo N** đang sống với bà **D**.

Sau khi ly hôn, bà **D** yêu cầu giao con chung **Hồng Huỳnh Thảo V** cho ông **Hồng Lý T** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung **Hồng Huỳnh Thảo N** cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con

Xét thấy, cháu **H Huỳnh Thảo V** hiện đang do ông **T** trực tiếp nuôi dưỡng và cháu **H Huỳnh Thảo N** do bà **D** trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của cháu **V** và cháu **N** nên chấp nhận yêu cầu của bà **D**. Tiếp tục giao cháu **H Huỳnh Thảo V** cho ông **T** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **H Huỳnh Thảo N** cho cho bà **D** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **D** tự nguyện không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét đề cập.

Trong trường hợp sau khi ly hôn các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Bà **D** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị Thùy D** đối với ông **Hồng Lý T** về yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Huỳnh Thị Thùy D** được ly hôn với ông **Hồng Lý T**

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên **Hồng Huỳnh Thảo V** sinh ngày 11/11/2022 cho ông **Hồng Lý T** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung chưa thành niên tên **Hồng Huỳnh Thảo N** sinh ngày 27/12/2023 cho bà **Huỳnh Thị Thùy D** trực tiếp nuôi dưỡng. Bà **Huỳnh Thị Thùy D** và ông **Hồng Lý T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

2. Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Thùy D** chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà **D** đã nộp theo biên lai thu số 0014704 ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang thi hành án phí. Bà **D** đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Ngọc Tuyên**



